

# Nhập khẩu lạm phát

✍ MINH NGỌC

"Nhập khẩu lạm phát" là cụm từ được dùng từ vài ba năm nay. Vì là cụm từ tương đối mới, nên có thể có cách hiểu khác nhau, từ đó có các giải pháp quản lý điều hành khác nhau, thậm chí là ngược nhau. Vậy nhập khẩu lạm phát do đâu và làm gì để hạn chế nhập khẩu lạm phát?



Dịp cuối năm nhu cầu nhập khẩu các loại rượu phục

**L**ạm phát được biểu hiện cuối cùng là giá cả tăng. Nhập khẩu lạm phát được hiểu là lạm phát trên thế giới được nhập khẩu vào Việt Nam.

Nhập khẩu lạm phát, do ba nguyên nhân chủ yếu là đơn giá hàng hóa trên thị trường thế giới tính bằng ngoại tệ tăng; tỷ giá VND/ngoại tệ ở trong nước tăng và nhập siêu lớn.

Đơn giá hàng hóa trên thế giới tính bằng ngoại tệ tăng đã tác động trực tiếp đến nhập khẩu lạm phát, bởi giá nhập khẩu tính bằng ngoại tệ. Chẳng hạn, bình quân 10 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước, giá nhập khẩu tính bằng USD của một số loại hàng hóa (tính được đơn giá) đã làm tăng kim ngạch nhập khẩu và làm tăng giá ở trong nước.

Tác động về mức tăng giá nhập khẩu tính bằng USD một số loại hàng hóa tới kim ngạch nhập khẩu: Xăng dầu giá tăng 29,9%, làm tăng 1.181 triệu USD; sắt thép giá tăng 28,1%, làm tăng 1.076 triệu USD; khí đốt hóa lỏng giá tăng 33,1%, làm tăng 96 triệu USD... Chỉ với các loại hàng hóa trên, do giá tăng đã làm tăng nhiều triệu USD. Với tốc độ tăng 23,3% của tổng kim ngạch xuất khẩu thì giá đã làm tăng khoảng 8,52% và giá trong nước cũng tăng khoảng 8,52%.

Đáng chú ý, giá nhập khẩu tiếp tục có xu hướng tăng do nhiều nguyên nhân. Có nguyên nhân do các nước trong năm trước đã tung

ra lượng tiền khổng lồ để giải cứu và kích thích kinh tế, đến nay không những chưa thu hồi lại, mà còn tiếp tục đưa ra một lượng lớn tiền nữa để giải cứu thất nghiệp, kích thích kinh tế, lãi suất cơ bản vẫn tiếp tục giữ ở mức thấp. Cuộc chiến tranh tiền tệ đã có dấu hiệu xuất hiện, bằng cách giảm giá đồng nội tệ để kích thích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, đây là một cách bảo hộ hàng trong nước. USD-index đã giảm từ 88 điểm cuối năm trước xuống còn trên dưới 77 điểm vào đầu tháng 11/2010.

Nhiều đồng tiền của các nước có quan hệ buôn bán lớn với Việt Nam đã tăng giá mạnh so với USD, cũng có nghĩa là giá nhập khẩu thanh toán bằng các ngoại tệ khác còn tăng nhiều hơn.

Tỷ giá VND/ngoại tệ tăng sẽ làm cho giá nhập khẩu tính bằng VND bị tăng kép, vừa tăng do giá nhập khẩu tính bằng ngoại tệ, vừa tăng do tỷ giá VND/ngoại tệ tăng.

Tỷ giá VND/USD trong thời kỳ 2004- 2007 (tính theo bình quân năm) tăng thấp (năm 2004 tăng 1,57%, năm 2005 tăng 0,56%, năm 2006 tăng 0,95%, năm 2007 tăng 0,62%, bình quân 1 năm chỉ tăng 0,71%); Nếu tính theo tháng 12 năm nay so với tháng 12 năm trước thì còn thấp hơn, trong đó có năm còn bị giảm (năm 2004 tăng 0,4%, năm 2005 tăng 0,9%, năm 2006 tăng 1%, năm 2007 giảm 0,03%- bình quân 1 năm tăng 0,5%).

Nhưng từ năm 2008 đến nay, tỷ

giá VND/USD đã tăng cao lên: nếu tính cuối năm nay so với cuối năm trước, thì năm 2008 tăng 6,31%, năm 2009 tăng 10,7% (còn cao hơn tốc độ tăng 6,52% của giá tiêu dùng), 10 tháng 2010 tăng 3,52%- bình quân 1 năm tăng trên 6,8%; nếu tính bình quân năm thì năm 2008 tăng 2,35%, năm 2009 tăng 9,17%, 10 tháng 2010 tăng 7,21%- bình quân 1 năm tăng khoảng 6,24%. Nếu tính một cách đơn giản thì tốc độ tăng giá tính bằng VND của những mặt hàng nhập khẩu vào Việt Nam đã tăng khoảng 15,3%.

Đó là các tốc độ tăng rất cao, tác động xấu về nhiều mặt. Nếu tốc độ trên cộng với lãi suất tiền gửi ngoại tệ (khoảng 4%/năm) thì cao hơn cả lãi suất gửi tiết kiệm của VND (khoảng 10%/năm). Do vậy, ngoại tệ đã hút một lượng tiền VND không nhỏ từ tiết kiệm vào việc mua USD và vàng.

Việc tăng giá USD so với VND ở Việt Nam lại ngược với sự mất giá của USD so với các đồng tiền khác trên thị trường thế giới, nhất là các đồng tiền mà Việt Nam có quan hệ buôn bán lớn (như Trung Quốc, Nhật Bản, EU,...), làm cho việc nhập khẩu của Việt Nam càng bị đắt lên.

Việc tăng tỷ giá VND/USD đã làm lạm phát ở trong nước có xu hướng tăng cao trở lại bắt đầu từ tháng 9 (tăng 1,31%), tháng 10 (tăng 1,05%), đều là các tốc độ tăng cao nhất so với cùng kỳ của



tăng cao

Ảnh: MH

hàng chục năm trước; nếu 2 tháng cuối năm 2010 tăng bằng với cùng kỳ năm trước (1,94%) thì cả năm nay sẽ tăng 9,66%, nếu 2 tháng cuối năm tăng cao hơn thì tốc độ tăng có thể còn vượt một chữ số. Chính vì thế mà Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra các giải pháp nhằm “cứu” tỷ giá, “cứu” giá vàng và thông qua đó cũng sẽ góp phần kiềm chế nhập khẩu lạm phát. “cứu” tỷ giá” với ý nghĩa là hiện nay không tăng tỷ giá VND/USD để tránh đi ngược với diễn biến giá USD trên thế giới, để giảm nhiệt cơn sốt USD trên thị trường tự do đang làm cho chênh lệch tỷ giá giữa thị trường này với thị trường chính thức ngày một lớn., làm cho thị trường kỳ vọng là sẽ kéo tỷ giá thị trường chính thức tăng theo. “Cứu” giá vàng với ý nghĩa là làm cho giá vàng trong nước không vượt quá so với giá vàng thế giới, gây ra cơn sốt giá vàng ở trong nước, do tác động của tỷ giá



Ảnh: TTXVN

VND/USD trên thị trường tự tăng. Việc tuyên bố nhập khẩu vàng của Ngân hàng Nhà nước cũng có tác động cộng hưởng để “cứu” giá vàng ở trong nước. “Cứu” lạm phát theo ý nghĩa hạn chế nhập khẩu lạm phát, do giữ ổn định tỷ giá VND/USD, do ổn định lòng tin vào VND.

Trong quan hệ buôn bán với nước ngoài, Việt Nam liên tục ở vị thế nhập siêu, đặc biệt là nhập siêu lớn trong những năm gần đây (nhập siêu hàng hóa nếu năm 2006 còn ở mức 5.064,9 triệu USD, thì năm 2007 vọt lên 14.203,3 triệu USD, năm 2008 vọt lên 18.028,7 triệu USD, năm 2009 tuy đã giảm xuống nhưng vẫn còn ở mức 12.852,5 triệu USD và tỷ lệ nhập siêu so với xuất khẩu trong những năm này đều ở mức trên 20%; 10 tháng năm 2010 ở mức 9,41 tỷ USD và khả năng cả năm tuy thấp hơn năm trước, nhưng về quy mô tuyệt đối thì vẫn còn lớn và đây là năm thứ 4 liên tục nhập siêu tuyệt đối tính bằng tỷ USD đã ở mức 2 chữ số.

Bên cạnh một số tác dụng nhất định trong điều kiện trong nước chưa sản xuất được, sản xuất chưa đủ hoặc với kỹ thuật công nghệ thấp hơn, nhưng nhìn tổng quát, nhập siêu là một bất ổn vĩ mô, tác động xấu đến nhiều mặt. Nhập siêu làm cho cán cân thanh toán bị thâm hụt, ảnh hưởng đến dự trữ ngoại hối của đất nước, ảnh hưởng đến tỷ giá VND/ngoại tệ,... Nhập siêu làm cho thị phần sản xuất và tiêu thụ ở trong nước bị thu hẹp, thậm chí còn vô hiệu hóa một phần tác dụng của các giải pháp kích thích sản xuất, kích cầu đầu tư và tiêu dùng ở trong nước, thậm chí còn kích thích tâm lý chuộng hàng ngoại trong một bộ phận dân cư. Nhập siêu của Việt Nam phần lớn là ở các thị trường có kỹ thuật, công nghệ không cao, tập trung ở thị trường Trung Quốc và một số nước ở Đông Nam Á.

Nhập siêu do cơ cấu kinh tế, cơ cấu hàng xuất khẩu chưa hợp lý.

Ngoài ra còn do hiệu quả và sức cạnh tranh yếu, thể hiện ở chỗ hiệu quả đầu tư thấp và năng suất lao động thấp. Về hiệu quả đầu tư, để tăng 1 đồng GDP, trong thời kỳ 1995- 2000 chỉ cần đầu tư 0,56 đồng, đến thời kỳ 2001- 2005 tăng lên 0,58 đồng, đến thời kỳ 2006-2009 tăng lên 0,69 đồng; một đồng vốn đầu tư nếu thời kỳ 1995- 2000 tạo ra được 3 đồng GDP thì đến thời kỳ 2001- 2005 tạo ra được 2,78 đồng, đến thời kỳ 2006- 2009 chỉ tạo ra được 2,33 đồng; hệ số ICOR nếu thời kỳ 1996- 2000 mới có 4,6 lần, thì thời kỳ 2001- 2005 là 5,2 lần, thời kỳ 2006- 2009 là 6,1 lần,...

Về năng suất lao động, năm 2009 mới đạt 34,7 triệu đồng/người, chỉ tương đương với 1.915 USD, trong đó nhóm ngành nông, lâm nghiệp- thủy sản (chiếm trên một nửa tổng số lao động của cả nước), lại chỉ đạt 12,4 triệu đồng, tương đương với 684 USD. Có nguyên nhân do công nghiệp phụ trợ chậm phát triển. Có nguyên nhân do tính gia công còn lớn, nên càng tăng xuất khẩu cũng đồng thời gia tăng nhập khẩu. Có nguyên nhân do tâm lý chuộng ngoại xuất hiện và gia tăng. Có nguyên nhân do công tác quản lý xuất nhập khẩu còn hạn chế, bất cập.

Như vậy, giải bài toán nhập siêu phải được thực hiện từ gốc. Đó là nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao năng suất lao động, đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ cấu xuất nhập khẩu, giảm tính gia công, phát triển công nghiệp phụ trợ, tăng tiết kiệm, thực hiện tốt cuộc vận động “người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”. Kiểm chế nhập siêu chủ yếu không phải là tăng tỷ giá. Tăng tỷ giá chỉ góp một phần; nhưng nếu lạm dụng thì nhiều khi phản tác dụng.

Để kiểm chế nhập khẩu lạm phát, điều quan trọng là áp dụng các biện pháp kiềm chế nhập siêu, ổn định giá vàng ở trong nước, nâng cao lòng tin vào đồng tiền quốc gia để tránh có sự cộng hưởng và lạm khuyếch đại lạm phát ■